TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN CANH** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 13-02-2020
V/v "Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhật

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2015/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2015 về tranh chấp "Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận QSD đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS ngày 16/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sô Y Thị T, sinh năm 1940

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Sô Y L, sinh năm 1982, có mặt

Đồng địa chỉ: Làng C, xã C1, huyện V, tỉnh B

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn Ph, sinh năm 1981, vắng mặt

Địa chỉ: Làng H, xã C2, huyện V, tỉnh B

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Sô Y L, sinh năm 1982, có mặt

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1980

Đồng địa chỉ: Làng C, xã C1, huyện V, tỉnh B

(Chị Trần Thị H ủy quyền cho anh Sô Y L tham gia tố tụng tại Tòa theo giấy ủy quyền ngày 11/7/2019)

+ Chị Đinh Thị H, sinh năm 1983, vắng mặt

Địa chỉ: Làng H, xã C2, huyện V, tỉnh B

+ Anh Nguyễn Kim Nh, sinh năm 1976, vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố T 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh B

+ Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá Đ - Phó Chủ tịch UBND huyện V, vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố T 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2014, bản tự khai ngày 05/7/2019, tại biên bản hòa giải ngày 25/10/2019 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Anh Sô Y L trình bày**:*

Ngày 09/12/2009, bà T được UBND huyện V giao quyền sử dụng đối với diện tích 91.761,5m^2 đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AO 147990. Trước khi bà T được cấp giấy chứng nhận QSD đất, bà T và vợ chồng anh L đã khai hoang diện tích đất đó và tiến hành trồng cây keo trên đất, sau đó bà T mới làm đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất. Trong quá trình phát dọn đất để trồng keo, không có ai đến tranh chấp đất với bà T và vợ chồng anh L. Đến tháng 7/2014, sau khi thu hoạch cây keo, bà T và vợ chồng anh L phát dọn đất để trồng lại vụ keo mới thì vợ chồng anh Đoàn Văn Ph và chị Đinh Thị H ở làng H đã tự ý đem cây giống vào trồng trên diện tích 9.427 m^2 đất của bà Tôm. Bà T đã làm đơn báo cáo xã C1 đề nghị giải quyết. UBND xã C1 đã nhiều lần phối hợp với UBND xã C2 mời anh Ph, chị H đến giải quyết nhưng không thành vì anh Ph cho rằng diện tích đất anh Ph đang trồng cây keo là đất cà thân do cha mẹ chị H khai hoang, sau đó đến năm 2000 thì cho vợ chồng anh Ph, chị H sử dụng nên anh Ph, chị H có quyền sử dụng đất này và không chịu trả đất lại cho bà T. Hiện tại cây keo trồng trên đất khoảng 5 năm tuổi và anh Ph đã bán cây keo cho anh Nguyễn Kim Nh. Anh L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ph, chị H phải trả lại cho bà T 9.427m^2 đất mà anh Ph, chị H đã lấn chiếm và yêu cầu anh Nh khai thác cây keo trồng trên đất để trả lại đất cho bà T.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2015, 15/07/2019, biên bản hòa giải ngày 25/10/2019, bị đơn - Anh Đoàn Văn Ph trình bày:***

Phần diện tích đất hiện tại bà T và anh đang tranh chấp nguyên trước đây là đất do cha mẹ chị H (vợ cũ của anh Ph) khai hoang trước năm 2000. Sau năm 2000 thì cha mẹ chị H cho đất đó cho anh Ph, chị H canh tác. Anh Ph và chị H trồng một mùa lúa rồi bỏ hoang đất đến năm 2009 thì bà T, anh L phát dọn đất của anh Ph, chị H để trồng keo. Khi phát hiện, anh Ph, chị H có đến ngăn cản nhưng anh L nói cho anh L làm một mùa

keo rồi sẽ trả lại đất, nên anh Ph, chị H cho anh L trồng, sau khi anh L khai thác keo xong thì anh Ph, chị H sẽ lấy lại đất trồng keo. Tháng 7/2014 anh L, bà T khai thác cây keo trên đất nên anh Ph, chị H vào lấy đất để trồng keo thì hai bên xảy ra tranh chấp. Số keo trồng trên diện tích đất đang tranh chấp hiện tại anh Ph đã bán cho anh Nguyễn Kim Nh ở khu phố T1, thị trấn V với số tiền 37.000.000đ. Năm 2018, anh Ph và chị H đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trước khi ly hôn, anh Ph và chị H thỏa thuận miệng giao phần đất trên cho anh Ph sử dụng, giao quyền quyết định cho anh Ph và thống nhất chị H không tranh chấp gì với anh Ph nữa. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh Ph và chị H trả lại đất cho bà Tôm, anh Ph không đồng ý, vì đất trên là đất cha mẹ chị H khai hoang đã cho anh Ph, chị H sử dụng. Sau đó, anh Ph và chị H ly hôn thì chị H giao cho anh Ph sử dụng. Việc bà T được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có phần đất của anh Ph, anh Ph hoàn toàn không biết. Anh Ph yêu cầu Tòa hủy một phần Giấy CNQSD đất số AO 147990 với diện tích là 9.427m^2 mà UBND huyện V đã cấp cho bà Tôm và cấp phần đất đó cho anh Ph.

**** Tại biên bản hòa giải ngày 25/10/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Chị Đinh Thị H trình bày:***

Chị H thống nhất như lời trình bày của anh Ph và không bổ sung gì thêm. Hiện tại chị H và anh Ph đã ly hôn và chị H đã có gia đình riêng nên đối với diện tích đất bà T đang tranh chấp với chị H và anh Ph, chị H giao cho anh Ph được toàn quyền quyết định. Chị H đã giao diện tích đất trên cho anh Ph canh tác, và không tranh chấp gì với anh Ph về phần diện tích đất trên. Anh Ph quyết định như thế nào là việc của anh Ph, chị H không liên quan.

**** Tại bản tự khai ngày 10/10/2019 và trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Anh Nguyễn Kim Nh trình bày:***

Năm 2016, anh Nh có hợp đồng mua bán cây keo lai với anh Đoàn Văn Ph trú tại làng H, xã C, huyện V, tỉnh B với diện tích khoảng 01ha, số tiền mua là 37.000.000đ, thời hạn thu hoạch keo trả đất vào năm 2021. Khi mua keo, anh Nh không biết đất trồng keo đang có tranh chấp. Đến khi Tòa án thông báo thì anh Nh mới biết. Anh Nh yêu cầu Tòa giải quyết: Trường hợp Tòa giải quyết diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của anh Ph thì anh Nh sẽ thực hiện việc thu hoạch cây keo và trả đất cho anh Ph theo đúng trong hợp đồng mua bán keo; Trường hợp Tòa giải quyết diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của bà Sô Y Thị T thì anh Nh sẽ khai thác cây keo trả lại đất cho bà Sô Y Thị T.

**** Tại văn bản cung cấp thông tin vụ án và trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện V – Ông Nguyễn Bá Đ trình bày***:

Bà Sô Y Thị T được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26 (cấp theo dự án WB3), ngày 09/12/2009, có số phát hành AO 147990, diện tích 91.761,5m^2, loại đất rừng sản xuất. Việc UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Sô Y Thị T thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình. Việc ông Nguyễn Trọng H – Phó chủ tịch UBND Huyện ký giấy chứng nhận QSD đất cho bà Sô Y Thị T là đúng thẩm

quyền theo quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND về việc phân công thành viên UBND nhiệm kỳ 2004-2009. Đề nghị Tòa án căn cứ các chứng cứ mà UBND huyện V và cơ quan chuyên môn của UBND huyện đã cung cấp giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh:***

Về thủ tục tố tụng: Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được Tòa án thụ lý trước ngày 01/7/2016 nhưng ngày 14/10/2019 bị đơn mới có đơn phản tố yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSD đất và Tòa án mới ra thông báo thụ lý yêu cầu phản tố nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp giữa bà Sô Y Thị T và anh Đoàn Văn Ph có nguồn gốc trước đây là đất do UBND xã C1 quản lý, không có ai sử dụng. Lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có uy tín trong làng H đều thừa nhận anh Ph có canh tác nhưng không ổn định, liên tục và họ đều cho rằng mảnh đất khai hoang, canh tác tọa lạc tại làng H, xã C2. Căn cứ Giấy chứng nhận QSD đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà T, bản đồ địa chính và công trình xây dựng ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá thì thửa đất số 02, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại làng C, xã C1. Đất tranh chấp đã được UBND huyện V cấp cho bà Sô Y Thị T. Việc UBND huyện V cấp đất cho bà T là đúng thẩm quyền và không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Ph. Anh Ph không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh mảnh đất đã được UBND huyện V cấp cho bà Tôm là của anh Ph. Khi phát hiện anh L, bà T canh tác trồng keo trên đất nhưng anh Ph, chị H cũng không làm đơn khiếu nại, khởi kiện yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Việc anh Ph, chị H tự ý đem cây keo trồng trên đất đã được UBND huyện V cấp cho bà T khi chưa được sự đồng ý của bà T đã xâm phạm quyền về tài sản của người khác nên bà T làm đơn khởi kiện đòi lại tài sản của mình là có căn cứ. Căn cứ quy định tại Điều 163, 166, 186 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về cây keo trồng trên đất: Số cây keo trồng trên đất anh Ph, chị H đã bán cho anh Nguyễn Kim Nh vào năm 2016. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Nh trình bày trường hợp Tòa giải quyết diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của người nào thì anh Nh sẽ khai thác cây keo trả lại đất cho người đó. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 mục IV giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đối với các vụ án Tòa án cấp huyện đã thụ lý trước ngày 01/7/2016, nhưng kể từ ngày 01/7/2016 mới phát sinh yêu cầu hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý vụ án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đoàn Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Sô Y Thị T về việc buộc anh Đoàn Văn Ph, chị Đinh Thị H trả lại cho bà Tôm 9.427 m^2 đất mà anh Ph, chị H đã lấn chiếm, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của bà Sô Y Thị T, biên bản xác minh, biên bản kiểm tra xác định trạng thái thực bì tại vùng đề nghị quy hoạch dự án phát triển ngành lâm nghiệp (WB3) năm 2009 tại xã C1 và chứng cứ do UBND huyện V; UBND xã C1 cung cấp thể hiện phần diện tích đất tranh chấp giữa bà Sô Y Thị T và anh Đoàn Văn Ph có nguồn gốc trước khi UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Sô Y Thị T thì phần diện tích đất đó do Ủy ban nhân dân xã C1 quản lý và không có ai sử dụng, là đất rừng có trạng thái thực bì Ib, thực vật phân bố chủ yếu là cỏ tranh, lau, lách, cây bụi. Năm 2009, thực hiện chủ trương giao đất cho dân trồng rừng theo dự án WB3 tại địa bàn xã C1, bà Sô Y Thị T tiến hành khai hoang 91.761,5m^2 đất và trồng cây keo, sau đó làm đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ngày 28/11/2009, Trung tâm quy hoạch nông nghiệp và nông thôn thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh B lập hồ sơ thiết kế - dự toán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng dự án WB3 của bà Sô Y Thị T, đến ngày 09/12/2009, bà Sô Y Thị T được UBND huyện V giao quyền sử dụng đất với diện tích 91.761,5m^2 thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990.

[3.2] Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh Ph, chị H đều cho rằng phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của cha mẹ chị H khai hoang mà có. Năm 2000 cha mẹ chị H cho phần diện tích đất đó cho anh Ph, chị H sử dụng, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Sau khi được cha mẹ cho đất, anh Ph, chị H chỉ trồng 01 vụ lúa rồi bỏ hoang và trên đất cây tự nhiên đã mọc lại thành rừng. Lời khai của anh Ph, chị H phù hợp với lời khai của anh Đinh Văn D, ông Đoàn Văn Đ và

ông Đinh Văn Ch là người có uy tín trong làng H, xã C2 về việc phần diện tích đất tranh chấp đã bỏ hoang từ năm 2004, đến năm 2009 bà T, anh L trồng keo thì xảy ra tranh chấp. Anh Ph, chị H cho rằng phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc đất là do cha mẹ của chị H khai hoang mà có nhưng ngoài lời khai của anh Ph, chị H ra thì anh Ph, chị H không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh về nguồn gốc đất, không cung cấp được các loại giấy tờ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Anh Ph, chị H cho rằng, khi phát hiện anh L trồng cây keo trên đất, anh Ph, chị H có đến ngăn cản thì anh L nói cho anh L làm một mùa keo rồi sẽ trả lại đất, nên anh Ph, chị H đồng ý cho anh L sử dụng đất nhưng anh Ph, chị H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh vì hai bên thỏa thuận miệng và anh L cũng không thừa nhận là có hứa trả lại đất cho anh Ph, chị H như nội dung anh Ph, chị H trình bày.

[3.3] Căn cứ Biên bản định giá tài sản, bản đồ địa chính và công trình xây dựng trích đo diện tích đất tranh chấp thể hiện diện tích đất tranh chấp 9.427m^2 giữa bà T và anh Ph, chị H nằm trong phần diện tích 91.761,5m^2 đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T. Việc Uỷ ban nhân dân huyện Vấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là đúng thẩm quyền và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của anh Ph, chị H. Như vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu anh Ph, chị H phải trả lại cho bà Tôm 9.427m^2 đất mà anh Ph, chị H đã lấn chiếm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 163, 166, 186 Bộ luật Dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cây keo trồng trên đất: Quá trình giải quyết vụ án, anh Ph, chị H thừa nhận số cây keo trên đất anh Ph, chị H đã bán cho anh Nguyễn Kim Nh vào năm 2016. Tại bản tự khai và trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh Nh trình bày trường hợp Tòa án giải quyết diện tích đất hai bên tranh chấp trên thuộc quyền sử dụng của bà T thì anh Nh sẽ khai thác cây keo trả lại đất cho bà Tô. Đây là ý chí tự nguyện của anh Nh nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn, nhận thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Đoàn Văn Ph yêu cầu Tòa giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Đoàn Văn Ph được miễn tiền án phí sơ thẩm vì gia đình thuộc diện hộ nghèo.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Tổng số tiền định giá tài sản là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Sô Y L tự nguyện chịu số tiền trên và đã nộp chi phí định giá xong nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh L.

[8] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 165, 166, 200 và điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 163, 166 và 186 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 10, Điều 50 và Điều 52 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 12, 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sô Y Thị T. Buộc anh Đoàn Văn Ph, chị Đinh Thị H phải trả lại cho bà Sô Y Thị T 9.427m^2 đất mà anh Đoàn Văn Ph, chị Đinh Thị H đã lấn chiếm thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T (Có bản đồ địa chính và công trình xây dựng kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 147990, ngày 09/12/2009 cấp cho bà Sô Y Thị T. Anh Đoàn Văn Ph có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Kim Nh về việc tự nguyện khai thác cây keo trồng trên diện tích 9.427m^2 đất tranh chấp để trả lại đất cho bà Sô Y Thị T.

4. Về án phí: Anh Đoàn Văn Ph được miễn tiền án phí sơ thẩm vì gia đình thuộc diện hộ nghèo.

5. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Sô Y L về việc chịu tiền chi phí định giá tài sản với số tiền là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Anh L đã nộp chi phí định giá xong.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Duy